

Luật số: /2026/QH16

## DỰ THẢO

## LUẬT

## SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 61/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 94/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15.

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực như sau:**

1. Bổ sung điểm đ vào sau điểm d tại khoản 1 Điều 3 như sau:

“đ) Quy định thẩm định các nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư xây dựng lưới điện truyền tải tại khoản 5 Điều 12 của Luật này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 14 như sau:

“đ) Năng lượng từ sức nước, gồm cả thủy điện, thủy điện tích năng;”;

b) Bổ sung khoản 43a vào sau khoản 43 Điều 4 như sau:

“43a. Mô hình khu, cụm là khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu đô thị, khu thương mại tự do.”;

c) Bổ sung khoản 52, khoản 53 và khoản 54 vào sau khoản 51 Điều 4 như sau:

“52. Chứng chỉ năng lượng tái tạo (viết tắt theo tiếng Anh là REC, Renewable Energy Certification) là chứng chỉ xác nhận thuộc tính năng lượng tái tạo của sản lượng điện năng được sản xuất và phát lên hệ thống điện từ nguồn điện năng lượng tái tạo, được quản lý và sử dụng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

53. Thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo là thị trường để thực hiện các giao dịch mua bán, chuyển nhượng, phát hành Chứng chỉ năng lượng tái tạo và được quản lý theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

54. Hợp đồng hoán đổi điện là hợp đồng mua bán điện trên thị trường điện

cạnh tranh trong đó bên mua điện và bên bán điện trao đổi dòng tiền dựa trên chênh lệch giữa giá hợp đồng được cố định và giá biến đổi được tham chiếu đến giá thị trường điện cho một lượng điện hợp đồng nhất định trong khoảng thời gian thỏa thuận.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Nhà nước độc quyền trong xây dựng, vận hành nhà máy điện hạt nhân, trừ nhà máy điện hạt nhân mô đun nhỏ (là nhà máy điện hạt nhân sử dụng các lò phản ứng hạt nhân mô đun nhỏ theo định nghĩa, phân loại của Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế), nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, lưới điện truyền tải quan trọng từ cấp điện áp 220kV trở lên theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định;”;

b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:

“4a. Xây dựng, phát triển và ứng dụng lưới điện thông minh và công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng điện năng, độ tin cậy cung cấp điện, chất lượng dịch vụ khách hàng và tối ưu vận hành hệ thống điện; góp phần nâng cao năng suất lao động, triển khai hiệu quả các chương trình quản lý nhu cầu điện, tích hợp khai thác hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, nguồn điện phân tán.”;

c) Bổ sung điểm c vào sau điểm b của khoản 9 như sau:

“c) Có cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo như thị trường chứng chỉ năng lượng tái tạo (REC); tiêu chuẩn, tỉ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu đầu tư và cung cấp năng lượng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quy mô hệ thống điện trong từng thời kỳ.”;

d) Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 12 như sau:

d1) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Thực hiện cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hợp lý và xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng chưa tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh khi chưa đủ điều kiện tham gia, phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh;”;

d2) Sửa đổi, bổ sung điểm e như sau:

“e) Bảo đảm quyền tự quyết định giá mua điện, giá bán điện không vượt quá khung giá điện, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Nhà nước quy định trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định;”;

đ) Bổ sung điểm c vào sau điểm b của khoản 13 như sau:

“c) Trường hợp có chủ trương của Nhà nước về việc thực hiện hỗ trợ tiền điện cho các đối tượng khách hàng đặc thù, nguồn hỗ trợ được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc từ các nguồn tài chính, quỹ hợp lệ, hợp pháp theo các trường hợp cụ thể theo quy định hiện hành có liên quan.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 5 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Nguồn điện không tác động hoặc tác động nhỏ đến hệ thống điện quốc gia, trừ trường hợp mua bán điện với nước ngoài đấu nối trực tiếp không thông qua hệ thống điện quốc gia;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Cải tạo, nâng cấp dự án điện lực không làm tăng quy mô công suất hoặc cấp điện áp, không phát sinh nhu cầu sử dụng đất ngoài phạm vi công trình điện lực hiện hữu.”;

c) Bổ sung điểm đ và điểm e vào sau điểm d như sau:

“đ) Di dời công trình lưới điện hiện có theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đầu tư, xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, cải tạo, sửa chữa, bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ hoặc đầu tư xây dựng dự án khác ngoài lĩnh vực điện lực để phát triển kinh tế - xã hội;

e) Nguồn điện sản xuất từ xử lý rác thải đô thị, chất thải rắn có công suất phù hợp với quy mô của các khu xử lý chất thải tập trung được xác định trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn điện sản xuất từ thu hồi khí dư, nhiệt dư, nước dư của các nhà máy và nguồn điện đồng phát sinh khối.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

### **“Điều 11. Quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh**

1. Quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch phát triển điện lực về phương án phát triển, sắp xếp, phân bố không gian phát triển cho ngành điện lực.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, trình Bộ trưởng phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh.

3. Quy định chung của quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh

a) Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch phát triển điện lực;

b) Được lập đồng thời với quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch tỉnh và được phê duyệt sau khi quy hoạch phát triển điện lực được duyệt;

c) Khi kết thúc thời kỳ quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh thời kỳ tiếp theo chưa được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt thì tiếp tục được thực hiện cho đến khi quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh thời kỳ tiếp theo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt;

d) Thời kỳ, tầm nhìn quy hoạch thực hiện theo thời kỳ, tầm nhìn của quy hoạch phát triển điện lực;

đ) Chi phí lập, công bố và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn vốn hợp pháp khác;

e) Chi phí thẩm định quy hoạch, đánh giá thực hiện quy hoạch sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước,

nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn vốn hợp pháp khác.

#### 4. Đánh giá quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh

Quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh được thực hiện đánh giá theo định kỳ 05 năm; đánh giá đột xuất hoặc khi xuất hiện nhu cầu điều chỉnh theo quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch được thể hiện bằng báo cáo, bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Tình hình phát triển nguồn và phụ tải trong kỳ rà soát, công suất cực đại, điện thương phẩm, lũy kế tổng công suất nguồn điện theo từng loại hình trên địa bàn cấp tỉnh;

b) Việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng các dự án điện lực trên địa bàn tỉnh trong kỳ rà soát;

c) Đánh giá việc thực hiện mục tiêu quy hoạch, tác động, hiệu quả của việc thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt;

d) Đánh giá, phân tích những yếu tố mới trong quá trình thực hiện;

đ) Kiến nghị và đề xuất.

6. Nội dung đánh giá đột xuất hoặc khi xuất hiện nhu cầu điều chỉnh quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Xác định nội dung, phân tích, đánh giá tác động của những yếu tố mới đến nội dung quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Đánh giá các chỉ tiêu quy hoạch, việc triển khai các dự án đầu tư đã được phê duyệt và thực hiện;

c) Kiến nghị, đề xuất mức độ và nội dung cần điều chỉnh tổng thể hoặc điều chỉnh cục bộ.

#### 7. Nguyên tắc, căn cứ điều chỉnh quy hoạch

Nguyên tắc, căn cứ điều chỉnh quy hoạch chi tiết thực hiện theo nguyên tắc, căn cứ quy định tại Luật Quy hoạch và các quy định sau đây:

a) Có sự biến động về nhu cầu phụ tải điện;

b) Có sự thay đổi về tính khả thi thực hiện mục tiêu phát triển nguồn điện theo quy hoạch được duyệt;

c) Không thể thực hiện được giải pháp đã được phê duyệt quy hoạch.

8. Chính phủ quy định chi tiết nội dung, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, quyết định hoặc phê duyệt, công bố quy hoạch, đánh giá, kiểm tra, rà soát và điều chỉnh quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh.”.

6. Bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4 Điều 12 như sau:

“5. Các dự án lưới điện truyền tải của Đơn vị truyền tải điện đầu tư xây dựng thuộc đối tượng phải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi tại cơ quan chuyên

môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng gồm các nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của Luật Xây dựng và sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

6. Đơn vị truyền tải điện đầu tư xây dựng lưới điện truyền tải được thu hồi chi phí thông qua giá dịch vụ truyền tải theo quy định tại khoản 6 Điều 51 của Luật này và ký kết hợp đồng dịch vụ truyền tải với đơn vị điện lực hoặc khách hàng sử dụng lưới điện truyền tải, trừ các trường hợp đầu tư lưới điện đấu nối đồng bộ trong phạm vi dự án đầu tư nguồn điện được xác định trong giá dịch vụ phát điện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này hoặc lưới điện kết nối riêng để mua bán điện trực tiếp theo quy định tại Điều 47 của Luật này. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng lưới điện truyền tải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thực hiện đầu tư theo phương thức đối tác công tư, hồ sơ hợp đồng dự án lưới điện đầu tư theo phương thức đối tác công tư áp dụng loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) bao gồm các tài liệu theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và hợp đồng dịch vụ truyền tải.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này; quy định các trường hợp dự án đầu tư kinh doanh điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 19 Điều 24 của Luật Đầu tư.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

**“Điều 14. Dự án, công trình điện lực khẩn cấp, cấp bách**

1. Dự án, công trình điện lực khẩn cấp, cấp bách bao gồm:

a) Dự án, công trình điện lực khẩn cấp được xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhằm kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Dự án, công trình xây dựng nguồn điện và lưới điện đấu nối cấp bách nhằm bù đắp lượng công suất nguồn điện thiếu hụt so với công suất theo quy hoạch phát triển điện lực: do chậm tiến độ của các dự án đầu tư xây dựng nguồn điện khác gây nguy cơ thiếu điện; do phụ tải khu vực, quốc gia tăng ngoài dự tính; do dừng dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn điện khác;

c) Dự án, công trình xây dựng lưới điện cấp bách có vai trò quan trọng trong việc truyền tải công suất nguồn điện giữa các khu vực để chống quá tải của lưới điện; theo yêu cầu cấp bách bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc yêu cầu cấp bách cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nguyên tắc, tiêu chí xác định dự án, công trình điện lực cấp bách quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này trên cơ sở bảo đảm kịp thời đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh cung cấp điện.”.

9. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 của Điều 16 như sau:

“5. Bảo lãnh Chính phủ (GGU) là văn bản do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký thay mặt Chính phủ nhằm bảo đảm đầu tư và ưu đãi đầu tư cho nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 20 như sau:

a) Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 2 như sau:

“h) Phát huy, mở rộng tối đa công suất của các nhà máy thủy điện hiện có; phát triển có chọn lọc đối với các dự án thủy điện nhỏ và vừa.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án điện gió, điện mặt trời kết hợp với đầu tư hệ thống lưu trữ điện; khuyến khích kết hợp với đầu tư sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh để phục vụ hoạt động phát điện, sử dụng điện. Đối với nguồn điện mặt trời và điện gió có đầu nối vào hệ thống điện quốc gia, tổng công suất phát của nhà máy điện mặt trời, điện gió và công suất hệ thống lưu trữ điện không được vượt quá công suất của nhà máy điện mặt trời, điện gió đã được xác định trong quy hoạch phát triển điện lực hoặc phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh; công suất lắp đặt do chủ đầu tư quyết định trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng trên cơ sở bảo đảm tỉ lệ công suất hệ thống lưu trữ điện theo quy định và hiệu quả sử dụng tài nguyên.”;

c) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 8 như sau:

“d) Điểm h khoản 2 Điều này.”;

d) Bổ sung khoản 9 sau khoản 8 như sau:

“9. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý và thực hiện cơ chế chứng chỉ năng lượng tái tạo và thị trường năng lượng tái tạo.”.

11. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 Điều 22 như sau:

“2. Căn cứ khả năng kỹ thuật, điều kiện kinh tế và khả năng ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình lắp đặt điện tự sản xuất, tự tiêu thụ như sau:”

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu và điểm a khoản 3 như sau:

“3. Dự án điện gió ngoài khơi được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định pháp luật và cơ chế, chính sách sau đây với điều kiện và thời hạn do Chính phủ quy định:

a) Sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn đối với dự án bán điện lên hệ thống điện quốc gia và lựa chọn tham gia thị trường điện;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Nhà đầu tư thực hiện hoặc tham gia thực hiện dự án điện gió ngoài khơi, doanh nghiệp lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ

trương đầu tư dự án điện gió ngoài khơi phải đáp ứng các điều kiện theo quy định.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 và khoản 8 như sau:

“7. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển và cơ quan khác có liên quan có trách nhiệm quản lý, phối hợp quản lý dự án, công trình điện gió ngoài khơi theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

8. Việc chuyển nhượng dự án, cổ phần, phần vốn góp trong dự án điện gió ngoài khơi phải bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan.”;

d) Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 như sau:

“9. Chính phủ quy định chi tiết khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều này và quy định điều kiện, thời hạn dự án điện gió ngoài khơi được hưởng cơ chế, chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều này.”.

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27 như sau:

a) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 3 như sau:

“c) Doanh nghiệp tại điểm a khoản 2 Điều này được sử dụng nguồn chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ khảo sát; được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong trường hợp không có nhà đầu tư trúng thầu hoặc không thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung sau:

a) Khoản 4 Điều này;

b) Nội dung khảo sát để lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư;

c) Cơ chế xử lý chi phí khảo sát, điều kiện và năng lực của đơn vị khảo sát; quy định việc phân công trách nhiệm quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá khảo sát, thẩm tra kết quả khảo sát, thanh toán chi phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng dự án;

d) Điều kiện doanh nghiệp được giao khảo sát theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

đ) Trường hợp doanh nghiệp tại điểm a khoản 2 Điều này được chỉ định đơn vị thực hiện dịch vụ khảo sát.”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 28 như sau:

a) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 như sau:

“c) Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện năng lực thực hiện dự án điện gió ngoài khơi có nhu cầu lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án điện gió ngoài khơi.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Nội dung hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, hồ sơ đề nghị chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án điện gió ngoài khơi thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư hoặc Luật Đầu tư công hoặc Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các nội dung khác theo quy định của Chính phủ.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết nội dung sau:

a) Trường hợp dự án, doanh nghiệp được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

b) Nội dung hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án điện gió ngoài khơi;

c) Trường hợp dự án điện gió ngoài khơi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều này.”;

d) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án điện gió ngoài khơi thuộc đối tượng sau:

a) Dự án điện gió ngoài khơi bán điện lên hệ thống điện quốc gia;

b) Dự án điện gió ngoài khơi xuất khẩu điện theo Hiệp định liên Chính phủ;

c) Dự án điện gió ngoài khơi không thuộc điểm a, điểm b khoản này theo quy định của Chính phủ.”.

15. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 Điều 29 như sau:

“2. Các trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án đầu tư kinh doanh điện gió ngoài khơi như sau:”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 và khoản 7 của Điều 30 như sau:

“5. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện được cấp cho tổ chức sở hữu nhà máy điện theo hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, ***đã bao gồm các hạng mục công trình lưới điện đấu nối từ nhà máy điện đến trạm điện của nhà máy đó.***

6. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải điện được cấp theo phạm vi quản lý, vận hành.

7. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện được cấp theo phạm vi quản lý, vận hành.”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

**“Điều 31. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực**

1. Đối với lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có hạng mục công trình, công trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh và các quyết định điều chỉnh (nếu có); được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế được phê duyệt, đáp ứng điều kiện đưa hạng mục công trình, công trình vào khai thác, sử dụng;

b) Có dự án, công trình, hạng mục công trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện được xây dựng, lắp đặt tuân thủ quy định của pháp luật về biển, pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Có tài liệu quản lý an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực phát điện nhà máy thủy điện;

d) Có đội ngũ trực tiếp tham gia công tác vận hành đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Đối với lĩnh vực bán buôn điện, bán lẻ điện, có đội ngũ kinh doanh đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện đối với các lĩnh vực và trường hợp cấp giấy phép hoạt động điện lực.”

18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Cấp mới giấy phép hoạt động điện lực cho tổ chức trong các trường hợp sau đây:

a) Cấp giấy phép lần đầu đối với hạng mục công trình hoặc công trình phát điện trong lĩnh vực phát điện;

b) Cấp giấy phép lần đầu đối với phạm vi cụ thể trong lĩnh vực truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện;

c) Cấp mới giấy phép hoạt động điện lực trong trường hợp tăng quy mô công suất trong lĩnh vực phát điện; mở rộng phạm vi hoạt động trong lĩnh vực truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Theo đề nghị của tổ chức khi có sự thay đổi một trong các nội dung của giấy phép hoạt động điện lực quy định tại khoản 1 Điều 34, giảm lĩnh vực hoạt động điện lực quy định tại khoản 2 Điều 34, giảm phạm vi hoạt động điện lực quy định tại khoản 3 Điều 34, thay đổi phạm vi hoạt động điện lực quy định tại khoản 3 Điều 34 hoặc thay đổi thông số kỹ thuật chính của công trình điện, công nghệ sử dụng trong hoạt động điện lực quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật này trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực cho tổ chức trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép đã cấp còn thời hạn bị mất, bị hỏng;

b) Giấy phép đã cấp còn thời hạn dưới 06 tháng hoặc hết hạn. Trong trường hợp này, các nội dung của giấy phép quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 34 của Luật này không thay đổi so với giấy phép đã cấp;

c) Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật này.”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

**“Điều 33. Miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực**

1. Chính phủ quy định cụ thể các trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực.

2. Tổ chức được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực quy định tại khoản 1 Điều này phải tuân thủ quy trình, quy chuẩn kỹ thuật quản lý vận hành, quy định về giá điện, điều kiện về kỹ thuật, an toàn và nghĩa vụ theo lĩnh vực hoạt động điện lực được quy định tại Luật này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, kiểm tra tổ chức hoạt động điện lực tại địa phương quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”.

20. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 36 như sau:

“a) Tổ chức có nhu cầu ngừng hoạt động điện lực;”.

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 37 như sau:

“3. Trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương phân cấp cho đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép hoạt động điện lực theo quy định của Luật này.”.

22. Bổ sung điểm l sau điểm k khoản 1 Điều 42 như sau:

“l) Nguyên tắc vận hành thị trường điện”.

23. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 44 như sau:

“2a. Hợp đồng mua bán điện trong thị trường bán buôn điện cạnh tranh:

a) Hợp đồng mua bán điện giữa đơn vị phát điện và bên mua điện trong thị trường bán buôn điện cạnh tranh là hợp đồng hoán đổi điện với giá tham chiếu là giá thị trường điện giao ngay được tính toán và công bố theo quy định vận hành thị trường điện cạnh tranh;

b) Hợp đồng hoán đổi điện trong thị trường bán buôn điện cạnh tranh là các hợp đồng tài chính và không chịu thuế giá trị gia tăng.”

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 45 như sau:

“4. Hợp đồng kỳ hạn điện, hợp đồng quyền chọn mua điện hoặc bán điện, hợp đồng tương lai điện là các hợp đồng tài chính phái sinh và không chịu thuế giá trị gia tăng”.

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 8 Điều 46 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Mua bán điện với nước ngoài bao gồm hoạt động mua bán điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia hoặc đấu nối trực tiếp không thông qua hệ thống điện quốc gia. Việc mua bán điện với nước ngoài phải bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, lợi ích của Nhà nước và Nhân dân, lợi ích của khách hàng sử dụng điện và phải phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh đã được phê duyệt.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Dự án, công trình điện lực liên kết lưới điện với nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam cần đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật, quy trình quản lý, vận hành hệ thống điện quốc gia.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương mua bán điện với nước ngoài phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh đã được phê duyệt; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt khung giá nhập khẩu điện, phương pháp lập khung giá nhập khẩu điện áp dụng cho các nước cụ thể, hồ sơ, trình tự, thủ tục mua bán điện với nước ngoài.”.

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 47 như sau:

“Điều 47. Mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn, đơn vị bán lẻ điện tại các mô hình khu, cụm và đơn vị phát điện”;

b) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 1 như sau:

“1. Trường hợp mua bán điện trực tiếp”;

c) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 2 và bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 như sau:

c1) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 2 như sau:

“2. Nguyên tắc mua bán điện trực tiếp:”.

c2) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 như sau:

“c) Giá mua bán điện tại hợp đồng mua bán điện theo cơ chế mua bán điện trực tiếp thông qua lưới điện kết nối riêng và tại hợp đồng kỳ hạn điện theo cơ chế mua bán điện trực tiếp thông qua lưới điện quốc gia do bên bán điện và bên mua điện đàm phán, thỏa thuận.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 47 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, trách nhiệm của các bên liên quan khi tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn, đơn vị bán lẻ điện tại các

mô hình khu, cụm và đơn vị phát điện.”;

đ) Bổ sung khoản 4 sau khoản 3 như sau:

“4. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các quy mô khách hàng sử dụng điện lớn tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp tại Điều này.”.

27. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 50 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c và điểm d khoản 3 như sau:

“b) Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân;

c) Bộ Công Thương xây dựng, trình Chính phủ quy định các nội dung tại điểm a khoản này, giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh, cơ chế hỗ trợ tiền điện quy định tại điểm c khoản 13 Điều 5 của Luật này và cơ chế giá bán lẻ điện nhiều thành phần; Bộ Công Thương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ lộ trình giảm bù chéo giá điện quy định tại khoản 12 Điều 5 của Luật này và lộ trình cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, bao gồm giá bán lẻ điện có nhiều thành phần mà trong đó có tối thiểu 02 thành phần như giá công suất, giá điện năng, giá cố định, giá biến đổi hoặc thành phần giá khác (nếu có) được áp dụng cho các nhóm khách hàng khi điều kiện kỹ thuật cho phép;

d) Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các nội dung sau đây:

d1) Phương pháp xác định giá bán buôn điện; phương pháp lập và trình tự, thủ tục phê duyệt khung giá bán buôn điện;

d2) Quy định về thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện và giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện, bao gồm cả giá bán lẻ điện có nhiều thành phần;”;

b) Bổ sung điểm đ và điểm e vào sau điểm d khoản 3 như sau:

“đ) Bộ Công Thương quyết định về giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện sau khi giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân;

e) Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá bán buôn điện do đơn vị điện lực xây dựng và trình.”.

28. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Nhà máy điện năng lượng tái tạo nhỏ thuộc loại hình thủy điện, mặt trời được áp dụng cơ chế biểu giá chi phí tránh được do Bộ Công Thương quy định. Khi hết thời hạn áp dụng biểu giá chi phí tránh được, Bộ Công Thương quyết định giá điện hàng năm trên cơ sở tỷ lệ giá thị trường điện bình quân thực tế của năm trước liền kề, tỷ lệ này không vượt quá 1,0;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định chi phí phát điện của nhà máy điện trong giai đoạn tham gia gián tiếp thị trường điện cạnh tranh đối với các trường hợp sau đây:

a) Nhà máy điện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật này;

b) Nhà máy điện phối hợp vận hành với nhà máy điện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật này để hỗ trợ điều tiết hệ thống theo danh sách do Bộ Công Thương quyết định;

c) Nhà máy điện khác không xác định được giá dịch vụ phát điện.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Căn cứ đặc thù của từng loại hình nhà máy điện theo từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Công Thương:

a) Quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện theo cơ chế giá điện nhiều thành phần, bao gồm các thành phần giá theo giá công suất, giá điện năng hoặc thành phần giá khác (nếu có);

b) Quyết định không áp dụng khung giá phát điện đối với loại hình nhà máy điện quy định tại khoản 2 Điều này hoặc chưa có phương pháp xác định khung giá phát điện theo quy định tại khoản 3 Điều này.”

29. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 52 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“a) Giá bán lẻ điện được phản ánh và điều chỉnh kịp thời theo biến động thực tế của thông số đầu vào, bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ, bao gồm cả chi phí chưa được tính toán, bù đắp đầy đủ trong giá bán lẻ điện bình quân trước đây, với lợi nhuận hợp lý để bảo toàn, phát triển vốn kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng thời kỳ và cấp độ thị trường điện cạnh tranh;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Hằng năm đơn vị bán lẻ điện có trách nhiệm lập, báo cáo Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính (cơ quản lý nhà nước về giá) và các cơ quan liên quan kiểm tra và công bố công khai chi phí thực tế thực hiện trong tính toán giá bán lẻ điện bình quân. Bộ Công Thương quy định chi tiết khoản này.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Căn cứ điều chỉnh giá dịch vụ về điện tại hợp đồng mua bán điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ về điện đã ký bao gồm:

a) Thay đổi về chính sách, pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành làm ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích hợp pháp của một bên hoặc cả hai bên ký hợp đồng;

b) Thực hiện yêu cầu rà soát, điều chỉnh giá dịch vụ về điện của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Bên bán điện, bên cung cấp dịch vụ về điện được giao đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các hạng mục (ngoài phạm vi quản lý đầu tư của đơn vị phát điện, đơn vị cung cấp dịch vụ về điện tại hợp đồng mua bán điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ về điện đã ký) để thực hiện quy hoạch hoặc để thực hiện yêu cầu mới về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

d) Tối ưu hoá quy trình quản lý, sản xuất, thay đổi công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất điện.”.

30. Sửa đổi khoản 3 Điều 53 như sau:

“3. Trong trường hợp xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tình trạng mất cân bằng công suất, điện năng giữa nguồn điện và phụ tải điện dẫn tới phải ngừng, giảm mức cung cấp điện được Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia xác định trong các Phương thức vận hành hệ thống điện, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định việc vận hành, huy động các nhà máy điện nhằm bảo đảm cung cấp điện. Đơn vị phát điện có trách nhiệm tuân thủ việc huy động, bảo đảm vận hành các tổ máy của nhà máy điện, thiết bị an toàn và thông báo việc thực hiện lệnh điều độ cho Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia theo đúng quy định.”.

31. Bổ sung Điều 54a vào sau Điều 54 như sau:

**“Điều 54a. Lưới điện thông minh**

1. Áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng ngành điện; đảm bảo vận hành hệ thống điện, cung cấp điện an toàn, ổn định, tin cậy; nâng cao năng suất lao động, chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ cung cấp điện và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Lộ trình phát triển Lưới điện Thông minh phù hợp với quy mô, cơ sở hạ tầng hệ thống điện, thị trường điện và tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

3. Các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai phát triển lưới điện thông minh phù hợp với tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của từng đơn vị để triển khai, quản lý và vận hành lưới điện thông minh bảo đảm an toàn, tin cậy, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với Lộ trình phát triển Lưới điện Thông minh.”.

32. Bổ sung điểm g sau điểm e của khoản 1 Điều 59 như sau:

“g) Thuê, giao đơn vị có đủ năng lực để quản lý, vận hành đường dây đầu nối nhà máy điện vào hệ thống điện quốc gia.”.

33. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 67 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Bồi thường khi gây thiệt hại cho đơn vị điện lực, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về dân sự.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân

các cấp, đơn vị điện lực, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định về bảo vệ an toàn công trình điện lực tại Luật này và luật khác có liên quan; kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ an toàn công trình điện lực.”.

34. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ của khoản 2 Điều 69 như sau:

“e) Tuân thủ quy định về bảo trì, bảo dưỡng, thí nghiệm, thử nghiệm đối với thiết bị, dụng cụ điện thuộc phạm vi quản lý.”.

35. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 71 như sau:

“d) Công trình nhiệt điện, công trình thủy điện, công trình điện gió, công trình điện mặt trời (trừ dự án điện mặt trời mái nhà; dự án điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ) phải thực hiện đánh giá an toàn kỹ thuật định kỳ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.”.

36. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 76 như sau:

“5. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện được quy định như sau:

a) Bộ Công Thương thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện đối với công trình thủy điện loại quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh hoặc phân cấp cho các cơ quan quản lý thuộc phạm vi quản lý thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với các công trình thủy điện trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, trừ các đối tượng quy định tại điểm a khoản này;

c) Trường hợp công trình thủy điện thuộc địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt nhà máy thủy điện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.”.

37. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 78 như sau:

“2. Chủ sở hữu, đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện và bảo đảm kinh phí cắm mốc, bảo trì mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện. Mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện bao gồm, mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện và mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện:

a) Mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện thực hiện theo quy định của Chính phủ;

b) Mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện được xác định là mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.”.

38. Bổ sung một số từ, cụm từ tại Luật Điện lực số 61/2024/QH15 như sau:

a) Bổ sung cụm từ “bảo vệ môi trường” vào sau cụm từ “tiết kiệm tài nguyên năng lượng” tại điểm a khoản 12 Điều 5;

b) Bổ sung cụm từ “cấp bách” vào sau cụm từ “khẩn cấp” tại khoản 1 Điều 13; cụm từ “, thực hiện đầu tư xây dựng dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, lâm nghiệp, đất đai, xây dựng và các pháp luật khác có liên quan” sau cụm từ “là cơ sở thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất” tại điểm b khoản 3 Điều 13;

c) Bổ sung cụm từ “cấp bách” vào sau cụm từ “dự án, công trình điện lực khẩn cấp” của tên Điều 15 và tại khoản 2 Điều 15;

d) Bổ sung cụm từ “và thị trường chứng chỉ năng lượng tái tạo” vào sau cụm từ “Phát triển điện từ năng lượng tái tạo, năng lượng mới” tại khoản 4 Điều 20;

đ) Bổ sung cụm từ “thiết kế,” vào trước cụm từ “lộ trình phát triển thị trường điện cạnh tranh”, cụm từ “Điều 38 của Luật này,” vào sau cụm từ “khoản 11 Điều 5 của Luật này,” tại khoản 3 Điều 39;

e) Bổ sung cụm từ “trên thị trường điện giao ngay” vào sau cụm từ “đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện” tại điểm b khoản 2 Điều 41;

g) Bổ sung cụm từ “nguyên tắc vận hành thị trường điện và các nội dung quy định chi tiết tại” vào sau cụm từ “Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định” tại khoản 2 Điều 42;

h) Bổ sung cụm từ “và khoản 2a” vào trước cụm từ “Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết khoản 2” tại khoản 5 Điều 44;

i) Bổ sung cụm từ “các trường hợp và” vào trước cụm từ “trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện” tại khoản 3 Điều 49;

k) Bổ sung cụm từ “phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội từng thời kỳ và cấp độ thị trường điện cạnh tranh” vào cuối điểm a khoản 1 Điều 50;

l) Bổ sung cụm từ “Nghiên cứu quy định phân biệt nhóm khách hàng sinh hoạt và các nhóm khách hàng ngoài sinh hoạt phù hợp với lộ trình cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.” vào cuối điểm b khoản 1 Điều 50;

m) Bổ sung cụm từ “, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện” vào cuối điểm a khoản 3 Điều 50;

n) Bổ sung cụm từ “và thanh toán tiền điện cho các nhà máy điện trong trường hợp phải huy động các nhà máy điện do yêu cầu đảm bảo an ninh cung cấp điện quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật này.” vào cuối điểm g khoản 1 Điều 51;

o) Bổ sung cụm từ “hết vòng đời dự án;” vào cuối điểm b khoản 2 Điều 51;

p) Bổ sung cụm từ “trừ các nhà máy điện quy định tại khoản 2 Điều này.” vào cuối khoản 3 Điều 51;

q) Bổ sung cụm từ “và điều chỉnh” sau cụm từ “Căn cứ lập” tại khoản 1 Điều 52;

r) Bổ sung cụm từ “chủ động” vào sau cụm từ “ổn định, tin cậy;” tại điểm a khoản 2 Điều 59.

39. Thay thế một số từ, cụm từ tại Luật Điện lực số 61/2024/QH15 như sau:

a) Thay thế cụm từ “cho các hộ gia đình và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tại địa phương” thành “cho hải đảo, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm quốc phòng, an ninh” tại điểm a khoản 3 Điều 5;

b) Thay thế cụm từ “cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng” thành “thực hiện phương thức cho vay lại” tại khoản 5 Điều 5;

c) Thay thế cụm từ “khẩn cấp” thành cụm từ “cấp bách” tại khoản 1 Điều 15, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 15;

d) Thay thế cụm từ “giá phát điện dự thực hiện theo quy định của Chính phủ” thành cụm từ “cơ chế giá mua bán, sản lượng điện dự được áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Luật này” trong khoản 3 Điều 17;

đ) Thay thế cụm từ “Bộ Tài Nguyên và Môi trường” thành cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm d khoản 2, khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 21;

e) Thay thế cụm từ “Thủ tướng Chính phủ” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 27;

g) Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông Vận tải” thành “Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng” tại điểm a khoản 3 Điều 28;

h) Thay thế cụm từ “quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Luật này” bằng cụm từ “Chính phủ” tại điểm b khoản 2 Điều 29;

i) Thay cụm từ “Bộ Công Thương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ” bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Công Thương” tại khoản 4 Điều 54;

k) Thay thế cụm từ “kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực” thành “quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh” tại khoản 4 Điều 5 và điểm c khoản 2 Điều 60;

l) Thay thế cụm từ “kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện” thành “quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh” tại điểm b khoản 2 Điều 61;

m) Thay thế cụm từ “Điều hòa” bằng cụm từ “Điều hành” tại điểm b khoản 2 Điều 65;

n) Thay thế cụm từ “Chính phủ” bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Công

Thương” tại khoản 5 Điều 32, khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 6 Điều 44, khoản 5 Điều 67, khoản 10 Điều 68, khoản 9 Điều 69, khoản 3 Điều 74 và khoản 7 Điều 75;

o) Thay thế cụm từ “Bộ Công Thương” thành cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 3 Điều 79.

40. Bãi bỏ một số điểm, khoản, từ, cụm từ tại Luật Điện lực số 61/2024/QH15 như sau:

a) Bãi bỏ số “2” tại điểm a khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 13;

b) Bãi bỏ cụm từ “; cung cấp điện cho hải đảo, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm quốc phòng, an ninh” tại điểm b khoản 11 Điều 5;

c) Bãi bỏ cụm từ “quốc gia” tại khoản 1 Điều 10; cụm từ “tích hợp” tại khoản 2 Điều 10;

d) Bãi bỏ cụm từ “phân cấp quản lý quy hoạch phát triển điện lực” tại điểm a khoản 3 Điều 13; cụm từ “khoản 2 và” tại khoản 4 Điều 13;

đ) Bãi bỏ cụm từ “Hồ sơ” tại đoạn mở đầu của Điều 16;

e) Bãi bỏ cụm từ “, giữa vùng, miền” tại điểm d khoản 2 Điều 39;

g) Bãi bỏ cụm từ “giữa bên bán điện và bên mua điện” tại điểm b khoản 2 Điều 41;

h) Bãi bỏ cụm từ “, bao gồm: sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp, sinh hoạt” tại điểm b khoản 1 Điều 50;

i) Bãi bỏ cụm từ “; kiểm định thiết bị, dụng cụ điện” tại khoản 1 Điều 69;

k) Bãi bỏ điểm đ và điểm h khoản 12 Điều 5; điểm b khoản 5 Điều 10; khoản 2 Điều 13; điểm c và điểm đ khoản 1 Điều 15; điểm c khoản 1 Điều 18; khoản 7 Điều 46; khoản 5 Điều 53; Điều 70.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Luật này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 202...

2. Bổ sung số thứ tự 12 phần I tại mục 2 Quy hoạch chi tiết ngành trong Phụ lục danh mục quy hoạch ngành và quy hoạch chi tiết ngành của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 như sau:

<b>TT</b>	<b>Tên quy hoạch chi tiết ngành</b>	<b>Văn bản quy định</b>	<b>Tên quy hoạch được cụ thể hóa</b>
<b>I</b>	<b>KẾT CẤU HẠ TẦNG</b>		
12	Quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh	Luật Điện lực	Quy hoạch phát triển điện lực

### **Điều 3. Quy định chuyển tiếp**

1. Đơn vị điện lực đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép hoạt động điện lực đó; trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực.

2. Trường hợp tổ chức đã nộp hồ sơ đề nghị cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại và gia hạn giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ đến cơ quan cấp giấy phép trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy phép hoạt động điện lực thì áp dụng Luật Điện lực số 61/2024/QH15 để cấp giấy phép. Trường hợp tổ chức đề nghị thực hiện cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại và gia hạn giấy phép kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Luật Điện lực số 61/2024/QH15 và Luật này để cấp giấy phép hoạt động điện lực.

3. Các dự án điện lực trong kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có phương án phát triển mạng lưới cấp điện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện cho đến khi quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch tỉnh thời kỳ tiếp theo được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

4. Đối với các dự án điện chất thải rắn, điện sinh khối đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và đã có chủ đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định pháp luật tại thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư; việc đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện đối với các dự án này được thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật còn hiệu lực tại thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư. Đối với các dự án đã ký kết hợp đồng mua bán điện từ ngày 01 tháng 02 năm 2025 đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết hoặc đàm phán, ký kết lại hợp đồng theo quy định tại khoản này.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ...  
Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**